

NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BỆNH TRỨNG CÁ THỂ THÔNG THƯỜNG

NGUYỄN MINH LONG, NGUYỄN VĂN THƯỜNG

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trứng cá, đặc biệt là trứng cá thể thông thường, một bệnh da thường gặp ở tuổi trẻ. Bệnh sẽ ảnh hưởng nhiều đến tâm sinh lý, thẩm mỹ của người bệnh khi có những biến chứng sẹo lồi, sẹo lõm, sẹo thâm do không được điều trị hay điều trị không đúng. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến trứng cá thông thường được nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm, nghiên cứu, nhưng trên các đối tượng là các học viên của Quân đội và người lính thì cho đến nay chưa có nghiên cứu nào công bố. Chính vì vậy chúng tôi tiến hành đề tài này nhằm đạt được mục tiêu: *Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến bệnh trứng cá thông thường tại trường dạy nghề số 10-Bộ Quốc phòng và trung đoàn 692 Bộ tư lệnh Thủ đô từ tháng 4 năm 2009 đến tháng 9 năm 2009.*

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả các bệnh nhân được chẩn đoán xác định trứng cá thông thường ở trường dạy nghề số 10 và trung đoàn 692 - Bộ tư lệnh Thủ đô

- Tiêu chuẩn chẩn đoán:

+ Tổn thương thường khu trú ở vùng da dầu: mặt, ngực, lưng, vai.

+ Tổn thương cơ bản là nhân trứng cá, sẩn, mụn mủ, cục, nang trứng cá.

- Tiêu chuẩn lựa chọn BN:

Bệnh nhân bị trứng cá thể thông thường thể từ nhẹ đến trung bình.

- Tiêu chuẩn loại trừ BN:

+ BN trứng cá thuộc các thể lâm sàng khác.

+ Bệnh nhân bị trứng cá thông thường mức độ nặng.

+ Phụ nữ có thai, đang cho con bú.

+ Không đồng ý hợp tác nghiên cứu

+ Bệnh nhân bị suy tim, gan, thận

+ Bệnh nhân bị bệnh ung thư.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

- Tiến hành:

+ Xác định tổn thương cơ bản, số lượng, tính chất tổn thương, đánh giá mức độ bệnh (chúng tôi chọn cách chia độ của Braun và CS.): [1], [3]

o Nhẹ: dưới 100 mụn trứng cá nhân.

o Trung bình: 100-200 mụn trứng cá nhân và/hoặc có dưới 5 mụn mủ.

o Nặng: trên 200 mụn trứng cá nhân và/hoặc 5 mụn mủ trở lên.

Chọn toàn bộ 70 bệnh nhân trứng cá thể thông thường được khám và điều trị ngoại trú tại Trường dạy nghề số 10 và Trung đoàn 692.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Yếu tố mùa liên quan tới bệnh Trứng cá thông thường (n = 70)

Mùa	Số lượt	%
Mùa xuân (1)	2	2.88
Mùa hè (2)	54	77.14
Mùa thu (3)	4	5.7
Mùa đông (4)	10	14.28
Tổng	70	100
p	p2p1 < 0.001; p2p3 < 0.001; p2p4 < 0.001	

Nhận xét: Qua bảng 3.1 cho thấy: vào mùa hè hay gặp bệnh trứng cá thông thường hơn các mùa khác (54/70) với tỷ lệ 77.14%; sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0.01$.

Bảng 3.2. Ảnh hưởng của yếu tố stress đến bệnh trứng cá thông thường (n=70)

Stress	Số lượng	%
Có liên quan đến stress	50	71.42
Không liên quan đến stress	20	28.58
Tổng	70	100
p	< 0.01	

Nhận xét: Bảng 3.2 cho thấy, trong nghiên cứu của chúng tôi, số bệnh nhân có chịu ảnh hưởng bởi yếu tố stress lên tới 71.42%; sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0.01$.

Bảng 3. Sự liên quan của trứng cá thông thường đến chu kỳ kinh nguyệt (n= 30)

Sự liên quan đến CKKN	Số lượng	%
Có liên quan	12	40
Không liên quan	28	60
Tổng	30	100
p	$p < 0.05 (\chi^2 = 5.4)$	

Nhận xét: Ở bảng 3.3, số BN nữ có liên quan giữa CKKN và tình trạng bệnh là 12 người (chiếm 40%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0.05$.

Bảng 3.4. Ảnh hưởng của tính chất da tới bệnh TCTT (n = 70)

Tính chất da	Nam (n = 40)		Nữ (n=30)		Tổng		p
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	
Da nhờn	34	85	22	73	56	80	> 0.05
Da bình thường	6	15	8	27	14	20	
Tổng	40	100	30	100	70	100	
p	< 0.01 ($\chi^2 = 17.857$)						

Nhận xét: Ở bảng 3.4, số bệnh nhân da nhờn chiếm tỷ lệ khá cao: 80%; sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0.01$. Tính riêng ở nam thì tỷ lệ da nhờn còn cao hơn: 85% và ở nữ là 73%. Sự khác biệt tính chất da giữa nam và nữ không có ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$).

BÀN LUẬN

1. Ảnh hưởng của yếu tố mùa đến trứng cá thông thường

Đa số các nghiên cứu của tác giả trong nước và nước ngoài đều khẳng định sự ảnh hưởng của thời tiết đối với bệnh trứng cá thông thường.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ tăng bệnh vào mùa hè rất cao 77.14%, mùa đông: 14.28%; mùa thu: 5.7% và thấp nhất là mùa xuân: 2.88% (bảng 3.1). Kết quả này tương đối phù hợp với các tác giả trong và ngoài nước như Vũ Văn Tiến (2002); Hoàng Ngọc Hà (2005); Thiboutot và CS (2003); Woff K và CS (2005) [6], [2][10]. Tuy nhiên, tại thời điểm tiến hành lấy mẫu BN, chúng tôi nhận thấy, yếu tố môi trường lao động, sinh hoạt đóng một vai trò khá lớn đến việc xuất hiện và làm tăng bệnh. Đặc biệt là ở nhóm bệnh nhân của Trung đoàn 692, bệnh nhân chủ yếu phải học tập, lao động với cường độ cao trong thời tiết nắng nóng và ẩm ướt. Còn đa số các đối tượng ở Trường dạy nghề số 10 đều đang trong thời gian học tập, thi cử và làm việc bận rộn, căng thẳng thần kinh, phải đi lại khá nhiều trong thời tiết nắng nóng.

2. Ảnh hưởng của yếu tố stress

Sự tăng tiết chất bã do yếu tố tâm thần kinh có liên quan chặt chẽ với bệnh trứng cá. Nhiều nghiên cứu của các tác giả trên thế giới như Thiboutot và CS. (2003), Arnold và CS. (2000), Wolff và CS. (2005)... đã chứng minh điều đó [3]. Mặt khác, chính sự ảnh hưởng của bệnh trứng cá đối với tâm lý BN cũng làm cho bệnh nặng lên, đây là một vòng xoắn bệnh lý rất khó điều trị. James F. Balch và CS. (2004) đã cho rằng, việc làm giảm stress thông qua nhiều cách khác nhau như tập thể dục, cầu kinh, ngồi thiền, đọc sách... là biện pháp rất quan trọng trong việc điều trị trứng cá. Bởi stress làm cơ thể rơi vào trạng thái mất cân bằng, stress làm ảnh hưởng tới da thông qua biến đổi nồng độ hormon nội tiết, gây ra tình trạng trì trệ, khó tiêu hóa và tự khử độc. Theo Arina Nikitina (2004) hormon, stress, chế độ ăn, thiếu vệ sinh, bóp nặn trứng cá là những yếu tố làm tăng bệnh trứng cá.

Ở những BN trẻ tuổi, bệnh lại càng ảnh hưởng đến tâm lý sâu sắc hơn. Họ cảm thấy mình kém hấp dẫn, luôn lo lắng, căng thẳng, tự tìm cách điều trị bằng đủ loại thuốc, mỹ phẩm, kể cả sự can thiệp cơ học như chích, nặn bóp mụn trứng cá... Chính những điều này càng làm cho bệnh nặng thêm [4], [5], [9].

Theo bảng 3.2, trong số 70 BN thì có một tỉ lệ cao (71.42%) bị trứng cá có liên quan đến stress. Như vậy, trong nghiên cứu của chúng tôi có sự ảnh hưởng rõ ràng của yếu tố stress đến bệnh trứng cá thông thường. Kết quả này phù hợp với các tác giả Nguyễn Thị Minh Hồng (2008) và Nguyễn Thị Thanh Nhân (265); Vũ Văn Tiến; Hoàng Ngọc Hà và Lê Văn Chúc [1], [2], [3], [4], [6].

3. Ảnh hưởng của CKKN

Nhiều tác giả đã nêu lên một thể trứng cá có liên quan đến CKKN (Premenstrual acne) bởi sự tăng cao của hormon nam tính và tỉ lệ Androgen / Oestrogen tăng lên trước CKKN. Sử dụng các thuốc viên tránh thai đường uống (Oral contraceptive) là một trong các liệu pháp hormon điều trị trứng cá và chứng rậm lông ở nữ giới (Hormon therapy of acne).

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Nhân, sự liên quan giữa CKKN với tình trạng bệnh lên tới 69.93% (n = 163). Ở những BN này, thường thấy xuất hiện trứng cá nhiều hơn trước mỗi kỳ kinh [4]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, trên 30 BN nữ ở tuổi từ 17 đến 32, có 40% trong số đó bị bệnh nặng lên trước mỗi CKKN, biểu hiện ở cả triệu chứng cơ năng và thực thể (bảng 3.3). Những BN này, bệnh tăng lên trước CKKN từ 1 - 7 ngày. Có những trường hợp, trứng cá nặng lên trong suốt kỳ kinh, số khác lại thấy bệnh giảm dần khi xuất hiện kinh nguyệt. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với của Nguyễn Thị Thanh Nhân cũng như so với một số tác giả khác, nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê.

4. Ảnh hưởng của tính chất da

Việc tăng tiết nồng độ hormon; tăng sản xuất, bài tiết chất bã và bệnh trứng cá có liên quan chặt chẽ với nhau. Ở những bệnh nhân trứng cá thông

thường, đặc biệt là mức độ vừa và nặng, chất bã được bài tiết quá mức ra bề mặt da làm da mặt bóng nhờn. Đây là một trong ba yếu tố chính gây nên bệnh trứng cá ở các mức độ khác nhau [7], [8].

Có 56 trên 70 BN mắc trứng cá thuộc loại da nhờn (chiếm 80%) trong nghiên cứu của chúng tôi (Bảng 3.12). Tính riêng ở nam thì tỷ lệ da nhờn còn cao hơn 85% so với 15% và ở nữ là 73% so với 27%. Kết quả trong nghiên cứu của Lê Văn Chúc tỷ lệ BN da nhờn là 72.3% (n=64) [1]. Sự khác biệt so với nghiên cứu của chúng tôi là không có ý nghĩa thống kê với $p > 0.05$. Kết quả của chúng tôi cũng tương tự một số nghiên cứu khác đã nêu trên, phần nào chứng minh rõ thêm vấn đề này.

KẾT LUẬN

- Mùa hè bệnh thường tăng lên nhiều hơn so với các mùa khác (77.14%)

- Yếu tố tâm thần kinh có sự liên quan chặt chẽ đến sự xuất hiện và tiến triển của bệnh TCTT, chiếm 71.42%.

- Tình trạng da nhờn có liên quan chặt chẽ đến sự xuất hiện của bệnh trứng cá thông thường, chiếm 80%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Chúc. (2007), "*Nghiên cứu tình hình, đặc điểm lâm sàng và hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thông thường bằng đốt giải phóng nhân, mũ của máy cao tần*", Luận văn thạc sỹ khoa học y dược, Học viện Quân y.

2. Hoàng Ngọc Hà. (2006), "*Nghiên cứu tình hình, đặc điểm lâm sàng và lượng testosterone trong máu bệnh nhân nam bị trứng cá thông thường*", Luận văn thạc sỹ y

học, Học viện Quân y.

3. Nguyễn Thị Minh Hồng. (2008), "*Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh trứng cá thông thường bằng vitamin A acide tại viện da liễu quốc gia*", Luận văn tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa II, Đại học Y Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Thanh Nhân. (1999), "*Đặc điểm lâm sàng và các yếu tố liên quan đến sự phát sinh bệnh trứng cá thông thường*", Luận văn thạc sỹ khoa học y dược, Đại học Y Hà Nội.

5. Hoàng Trọng Quang., Nguyễn Thị Kim Liên. (2000), "*Lâm sàng da liễu - bản dịch Nhà xuất bản Y học tr. 203 - 210.*

6. Vũ Văn Tiến. (2002), "*Tình hình, đặc điểm lâm sàng và lượng 17-cetosteroid trong nước tiểu bệnh nhân trứng cá thông thường nam giới*" Luận văn thạc sỹ khoa học y dược, Học viện Quân y.

7. Paul Kelly., Susan C. Taylor. (2009), "Dermatology for skin of color", *The McGraw - Hill companies Inc.* pp. 205 - 210.

8. Andrea L. Zaenglein., Emmy M. Graber., Diane M. Thiboutot, et al., (2008), "Chapter 78, Acne Vulgaris and Acneiform Eruptions - Fitzpatrick's Dermatology in General Medicine, 7th Edition", *McGraw-Hill*, pp. 691 - 703.

9. Barbara Sheen. (2004), "Acne - Diseases and Disorders", *Lucent Books - The Gale Group, Inc.*, Lucent Books - 27500 Drake Rd. - Farmington Hills - United States of America. pp. 10 - 23.